

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN ĐỊA LÍ – KHỐI 12
Năm học: 2024-2025

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức									Tổng % điểm
			Nhận biết			Thông hiểu			Vận dụng			
			TNKQ			TNKQ			TNKQ			
			Dạng I	Dạng II	Dạng III	Dạng I	Dạng II	Dạng III	Dạng I	Dạng II	Dạng III	
1	Khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên	– Khái quát về vùng	1	1*			1*					
		– Thế mạnh, hạn chế và việc phát triển các ngành kinh tế	1		1	1	1*					
		– Ý nghĩa của phát triển kinh tế – xã hội đối với quốc phòng an ninh							1*			
2	Phát triển kinh tế – xã hội ở Đông Nam Bộ	– Khái quát về vùng	1	1*		1						
		– Các thế mạnh và hạn chế để phát triển kinh tế	2				1*	1				
		– Phát triển các ngành kinh tế				1	1*			1*	1	
		– Vấn đề bảo vệ môi trường				1						
4	Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long	– Khái quát về vùng	1					1				
		– Sử dụng hợp lí tự nhiên	2	1*			2*			1*		
		– Phát triển sản xuất lương thực và thực phẩm	1		1	1					1	
		– Du lịch	1									
5	Phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng an ninh ở Biển Đông và các đảo, quần đảo	– Khái quát về Biển Đông và các đảo, quần đảo	1									
		– Tài nguyên thiên nhiên	1			1						
		– Khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo		1*			2*			1*		

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I- KHỐI 12
MÔN: ĐỊA LÍ - Năm học: 2024-2025

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên	– Khái quát về vùng – Thế mạnh, hạn chế và việc phát triển các ngành kinh tế – Ý nghĩa của phát triển kinh tế – xã hội đối với quốc phòng an ninh	Nhận biết – Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. – Trình bày được sự phát triển và phân bố của cây công nghiệp lâu năm, phát triển thủy điện, hoạt động lâm nghiệp và bảo vệ rừng, khai thác bôxít, phát triển du lịch. Thông hiểu – Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển kinh tế ở Tây Nguyên về cây công nghiệp lâu năm, thủy điện, lâm nghiệp, khoáng sản (bôxít), du lịch. Vận dụng – Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và việc khai thác các thế mạnh của vùng. Vận dụng cao – Nêu được ý nghĩa của phát triển kinh tế - xã hội đối với quốc phòng an ninh.	TNDT1:2 TNDT2:1* TNDT3:1	TNDT1:1 TNDT2:2*	TNDT2:1* TNDT3:1
2	Phát triển kinh tế – xã hội ở Đông Nam Bộ	– Khái quát về vùng – Các thế mạnh và hạn chế để phát triển kinh tế – Phát triển các ngành kinh tế – Vấn đề bảo vệ môi trường	Nhận biết – Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. – Trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế: I công nghiệp, dịch vụ; nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Thông hiểu – Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển kinh tế của vùng. Vận dụng – Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để trình bày về các thế mạnh và hiện trạng phát triển các ngành kinh tế. Vận dụng cao	TNDT1:2 TNDT2:1*	TNDT1:3 TNDT2:2* TNDT3:1	TNDT2:1* TNDT3:1

			– Trình bày được mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường.			
4	Sử dụng hợp lý tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long	– Khái quát về vùng – Sử dụng hợp lý tự nhiên – Phát triển sản xuất lương thực và thực phẩm – Du lịch	Nhận biết – Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. – Trình bày được vai trò, tình hình phát triển sản xuất lương thực và thực phẩm của vùng. – Trình bày được tài nguyên du lịch và tình hình phát triển du lịch của vùng. Thông hiểu – Chứng minh được các thế mạnh, hạn chế để phát triển kinh tế của vùng; trình bày được hướng sử dụng hợp lý tự nhiên của vùng. Vận dụng – Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê, tư liệu, trình bày được các thế mạnh, tình hình phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm, du lịch của vùng. – Vẽ được biểu đồ kinh tế - xã hội, nhận xét và giải thích. Vận dụng cao – Giải thích được tại sao phải sử dụng hợp lý tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long. - Trình bày được ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long, các giải pháp ứng phó.	TNDT1: 3 TNDT2: 1* TNDT3: 1	TNDT1:1 TNDT2: 2* TNDT3:1	TNDT2:1*
5	Phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng an ninh ở Biển Đông và các đảo, quần đảo	– Khái quát về Biển Đông và các đảo, quần đảo – Tài nguyên thiên nhiên – Khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo – Ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong việc phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh cho đất nước; hướng chung trong	Nhận biết – Trình bày được khái quát về Biển Đông. – Trình bày được vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo là một bộ phận quan trọng của nước ta. Thông hiểu – Chứng minh được vùng biển nước ta, các đảo và quần đảo có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng. – Trình bày được tình hình khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo (khai thác sinh vật, khai thác khoáng sản, giao thông vận tải và du lịch biển). – Phân tích được ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong việc phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh cho đất nước. Vận dụng	TNDT1 :5 TNDT2: 1*	TNDT1:1 TNDT2: 2*	TNDT2 : 1*

		giải quyết các tranh chấp vùng biển - đảo	– Trình bày hướng chung trong việc giải quyết các tranh chấp vùng biển - đảo ở Biển Đông. – Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để trình bày về các tài nguyên thiên nhiên và việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo. Vận dụng cao - Giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường biển ở nước ta. - Trình bày được báo cáo tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam.			
Số câu/ loại câu				12 câu TNKQ 4 lệnh TN trả đúng sai 3câu TN trả lời ngắn	6 câu TNKQ 8 lệnh TN trả đúng sai 2 câu TN trả lời ngắn.	4 lệnh TN trả đúng sai 2 câu TN trả lời ngắn.
Tổng hợp chung				47,5%	32,5%	20%

- Với câu hỏi mức độ nhận biết thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ mô tả cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

- Các câu hỏi ở mức độ nhận biết nên kiểm tra bằng dạng câu hỏi TNKQ; các mức độ khác kiểm tra bằng dạng câu hỏi tự luận.

- Với nhiều nội dung ở cùng 01 mức độ nhận thức, lựa chọn nội dung kiểm tra bằng cách chọn dấu * nghĩa chọn cho trường hợp (hoặc).

- Nội dung kiểm tra cuối kì bao gồm nội dung học toàn học kì, những nội dung kiểm tra giữa kì được tính không quá 10% số điểm và chỉ kiểm tra ở mức độ nhận biết

TTCM

Huỳnh Thị Hồng Nhung